TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2018.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lường Thị Nhung và bà Bạc Thị Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo*** *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2018/TLST-HN&GĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**: Chị Lò Thị T**; sinh năm: 1983; nơi cư trú: Bản Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Lò Văn T**; sinh năm: 1990; nơi cư trú: Bản Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21 tháng 12 năm 2017, bản tự khai tại Tòa án và phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau ngày 29/11/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được hai năm, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan

điểm sống. Thời gian anh T đi làm xa. Trong thời gian gần đây anh T thường đi làm xa và thỉnh thoảng mới về nhà, khi đi làm không liên lạc với chị T, giữa vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm. Đến nay chị T không còn tình cảm với anh T, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung với anhT do chị thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T có 02 người con chung, cháu Lò Phi H, sinh ngày 04/10/2013 và cháu Lò Quang Đ, sinh ngày 18/10/2015. Hiện tại cháu H và cháu Đ đang sinh sống cùng với chị Lò Thị T, tại bản Đ, xã Q, huyện T. Sau Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi 02 người con chung. Thu nhập hàng tháng trung bình của chị T là 5.000.000đ, đủ đảm bảo nuôi con ăn học. Chị T cũng có chỗ ở ổn định cho con. Chị Lò Thị T không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án xem xét giao con chung.

Về tài sản chung: Kể từ khi kết hôn không tạo lập được tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhận được bản tự khai của anh Lò Văn T với nội dung: Về hôn nhân: Hai anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q. Cuộc sống chung hạnh phúc được hai năm sau đó tan vỡ vì không hợp nhau và anh T cũng mong muốn Tòa án giải quyết cho anh ly hôn. Về con chung: Anh cho rằng khi chị T có lấy chồng tiếp thì mỗi người nuôi một con chung, còn hiện tại thì giao cho chị T nuôi cả hai con chung. Về tài sản, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành giao các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Lò Văn T; nhưng anh T không có mặt để tham gia hòa giải cũng như phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý: Về thủ tục tố tụng: Về cơ bản đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm; căn cứ vào Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật HNGĐ năm 2014 và 147 BLTTDS về hướng giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình khởi kiện "Xin ly hôn, giao nuôi con chung" giữa nguyên đơn chị Lò Thị T và anh Lò Văn T. Sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên tòa đưa ra đề nghị như sau:

Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T đã không còn tình cảm nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T, vì chị T và anh T đều có ý kiến thống nhất ly hôn nên đề nghị công nhận thuận tình ly hôn cho hai anh chị.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Lò Phi H, sinh ngày 04/10/2013 và cháu Lò Quang Đ, sinh ngày 18/10/2015 cho chị Lò Thị T nuôi dưỡng, không đề nghị cấp

dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị căn cứ vào quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xem xét miễn án phí ly hôn cho chị Lò Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện xin ly hôn, giao nuôi con chung của chị Lò Thị T với anh Lò Văn Tthì được xác định là vụ án xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lò Thị T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, anh Lò Văn T có nơi cư trú tại bản Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo thụ lý, Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết và xác minh theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Lò Văn T, xét thấy sự vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử mà vẫn đảm bảo được đầy đủ quyền lợi cho anh T. Do đó HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T kết hôn với nhau ngày 29/11/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của chị Lò Thị T và anh Lò Văn T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đinh năm 2014. Kể từ khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được hai năm đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị T và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2017 cho đến nay. Mặc dù có ý kiến mong muốn ly hôn của anh T nhưng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án vẫn tiến hành thông báo hợp lệ cho anh Lò Văn T để tham gia hòa giải cho hai anh chị quay về đoàn tụ nhưng anh Lò Văn T không có mặt, qua đó thấy việc anh T không có thiện chí hòa giải quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khách quan, toàn diện Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn

nhân của chị Lò Thị T và anh Lò Văn T thì được biết; giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T đã sống ly thân được một thời gian dài, anh T thường đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về, tình cảm vợ chồng dẫn đến phai nhạt. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng; cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, giữa hai anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của chị Lò Thị T và anh Lò Văn T.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lò Thị T và anh Lò Văn T thì thấy: Khi ly hôn chị Lò Thị T nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Phi H, sinh ngày 04/10/2013 và cháu Lò Quang Đ, sinh ngày 18/10/2015; không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị đảm bảo về nhu cầu sinh hoạt và tinh thần của con. Xét thấy, từ khi sống ly thân cho đến nay đều do chị T là người trực tiếp nuôi con và đảm bảo mọi nhu cầu sinh hoạt và học tập của các con. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết anh T có ý kiến rằng hiện tại khi chị T chưa đi lấy chồng khác thì anh nhất trí để hai con cho chị nuôi, khi nào chị T đi lấy chồng khác thì mỗi người nuôi một con. Bởi vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh cả về thể chất, trí tuệ, đạo đức của các cháu thì cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nhận nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của chị Lò Thị T để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt cũng như học tập của cháu H và cháu Đ.

[3.2] Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4.2] Về nợ chung: Không có nợ chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lò Thị T đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T.

3. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Phi H, sinh ngày 04/10/2013 và cháu Lò Quang Đ, sinh ngày 18/10/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh Lò Văn T chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lò Văn T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

4. Về án phí: Chị Lò Thị T được miễn án phí ly hôn.

Chị Lò Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/4/2018); anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Quài Tở;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga